

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 29 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN THỨ NHẤT
CĂN CỨ, HIỆN TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN**

I. CĂN CỨ BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Văn bản Trung ương

- Luật Công nghệ thông tin; Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định 1690/QĐ-TTG ngày 23 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 ban hành kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam;

- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ ngành địa phương.

2. Văn bản địa phương

- Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Mã định danh của các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương và giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc Cơ sở dữ liệu của tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0;

- Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3894/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 3076/KH-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 3618/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 8 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3716/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum chuyển đổi số;

- Kế hoạch số 3724/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 1164/KH-UBND ngày 22/04/2022 triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1319/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển Chính quyền số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 24/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3549/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3698/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai các nền tảng số y tế trong quản lý và chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030;
- Kế hoạch số 936/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Kế hoạch số 3148/KH-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển hạ tầng số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 3765/KH-TCT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi nội dung tại Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 về triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Kế hoạch số 487/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;
- Kế hoạch số 2301/KH-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình Hiện diện trực tuyến với tên miền quốc gia ".vn" trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2025;
- Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Kế hoạch số 2684/KH-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3584/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 4117/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

II. HIỆN TRẠNG

Qua 04 năm triển khai các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Chiến lược dữ liệu¹, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng được nhu cầu chỉ đạo các cấp, các ngành; các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai, từng bước đưa vào khai thác, sử dụng; nhiều dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến toàn trình; kinh tế số, xã hội số đều có bước phát triển tích cực; kỹ năng số của cán bộ công chức, viên chức và người dân được nâng cao,... Tuy nhiên, so với mặt bằng cả nước, tỉnh Kon Tum vẫn đang ở mức trung bình thấp.

1. Chuyển đổi số cơ quan nhà nước

a) Kết quả đạt được:

- *Về thể chế*: Tỉnh Kon Tum đã ban hành, cập nhật kiến trúc chính phủ điện tử 2.0². Ban hành nghị quyết về chuyển đổi số³, kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh⁴; ban hành Kế hoạch chuyển đổi số 5 năm và hàng năm.

- *Ứng dụng trong cơ quan nhà nước*: Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm dùng chung bảo đảm tập trung, thông suốt, đáp ứng yêu cầu điều hành của chính quyền các cấp trên môi trường số: (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (2) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (4) Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh; (5) Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (6) Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (7) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

- *Về Dữ liệu số*: Dữ liệu trong cơ quan nhà nước đã có sự tăng trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung; Danh mục cơ sở dữ liệu mở tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023, với 64 CSDL dùng chung của 17 lĩnh vực và 199 CSDL mở

¹ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

² Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

³ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum.

⁴ Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

của 14 lĩnh vực. Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đã cập nhật 75 bộ dữ liệu thuộc 12 lĩnh vực của 31 cơ quan, đơn vị. Ngành Giáo dục và Đào tạo triển khai xây dựng kho học liệu số: đã hoàn thiện với 2.508 video bài giảng và 167 đề dùng dạy, học liệu số cấp Tiểu học; 173 video bài giảng cấp Mầm non (đạt tỷ trọng 60%), 425 bài giảng E-learning cấp trung học (đạt tỷ trọng 14%) phục vụ học sinh và giáo viên có thể tham gia học tập mọi lúc, mọi nơi.

- *Về thực hiện dịch vụ công trực tuyến*: Đã cập nhật, cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia là 1.406 dịch vụ công trực tuyến (335 dịch vụ công trực tuyến một phần và 1.101 dịch vụ dịch vụ công trực tuyến toàn trình) còn lại 334 thủ tục hành chính không xác định là dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số lượng dịch vụ công có phát sinh hồ sơ đạt 31,07%; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt 28,6%.

- *Triển khai tích hợp, chia sẻ dữ liệu*: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đã kết nối kỹ thuật đến 18/23 các cơ sở dữ liệu quốc gia/hệ thống thông tin từ Trung ương đến địa phương thông qua Nền tảng NDXP; trong 10 tháng đầu năm 2024 đã khai thác sử dụng 16 dịch vụ dữ liệu, tổng số giao dịch thực hiện qua LGSP là 382.871 giao dịch.

- *Về nền tảng số*: Các đơn vị đã triển khai các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực minh chứng cho giá trị của việc quyết tâm chuyển đổi số:

- *Hệ thống thông tin nguồn*: Đã triển khai kết nối 17 Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của các xã và 03 bản tin điện tử công cộng. Hệ thống cũng đã kết nối thông suốt Hệ thống thông tin nguồn Trung ương (*Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý*).

- Triển khai, sử dụng có hiệu quả các hệ thống như:

+ Hệ thống Quản lý thông tin lý lịch tư pháp; Phần mềm Quản lý hộ tịch; Cổng thông tin Đầu giá tài sản; Hệ thống quản lý vụ việc trợ giúp pháp lý; Phần mềm thống kê ngành Tư pháp.

+ Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư; Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc; Hệ thống Quản lý cán bộ công chức, viên chức; Phần mềm nền tảng quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ; Hệ thống Quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

+ Phần mềm theo dõi cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; Phần mềm phục vụ cho công tác tuần tra, kiểm tra rừng cài đặt trên SmartPhone; Phần mềm Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam; Phần mềm CSDL quản lý năng lực giám sát và đánh giá ngành Kinh tế hợp tác và PTNT; Phần mềm quản lý vùng nguyên liệu; Hệ thống CSDL ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản...

+ Phần mềm số hóa văn bằng chứng chỉ của ngành, các phần mềm dạy học trực tuyến (MS Teams, Zoom, Google Meet, ...); các ứng dụng kiểm tra đánh giá học sinh trực tuyến; phần mềm kế toán Misa; Hệ thống quản lý trường học, quản lý nhà trường.

+ Phần mềm quản lý, giám sát nước thải công nghiệp; phần mềm giám sát nước mặt; phần mềm quản lý kho số; phần mềm quản lý chất thải rắn; Phần mềm Giám sát khai thác tài nguyên nước; Phần mềm Hệ thống thông tin đất đai VILIS 2.0...

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Kết quả đến năm 2024 đã có **3.007** lượt học viên tham gia các khóa học, **1.104** lượt học viên hoàn thành khóa học.

- Toàn tỉnh Kon Tum có 566 Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp xã, thôn với 2.519 thành viên. Mỗi tổ có khoảng 03 đến 05 thành viên, trong đó Tổ trưởng các Tổ dân phố, Đoàn Thanh niên (các chi đoàn, đoàn cơ sở) và Doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt.

b) Khó khăn, vướng mắc:

- Trang thiết bị ứng dụng CNTT nhiều nơi lạc hậu (cấu hình thấp, xuống cấp), nhất là cấp cơ sở làm ảnh hưởng đến việc triển khai các ứng dụng dùng chung phục vụ chính quyền số.

- Dữ liệu quản lý của các cơ quan, đơn vị được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh còn thấp; một số bộ, ngành⁵ chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu với địa phương.

- Số hồ sơ dịch vụ công được xử lý trực tuyến còn thấp, thanh toán trực tuyến chưa được người dân, doanh nghiệp thực hiện hiệu quả.

- Đội ngũ công chức, viên chức tham mưu công nghệ thông tin của các đơn vị, địa phương thiếu về số lượng và kiến thức, kỹ năng tham mưu tổ chức triển khai chuyển đổi số.

2. Về phát triển hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- 100% xã, phường, thị trấn đã phủ sóng thông tin di động; Tỷ lệ dân số được phủ sóng băng rộng di động (3G, 4G, 5G) đạt 99,38%; 100% xã, phường, thị trấn có mạng cáp quang; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 58,34%.

- Internet: Tổng tên miền quốc gia “.vn” trên địa bàn tỉnh đạt 634 tên miền. Công thông tin điện tử tỉnh và Cổng dịch vụ công đã hoàn thành triển khai IPv6.

b) Khó khăn, vướng mắc:

⁵ Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); Cổng liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính); Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của Bộ Tài chính; Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN);

- Kon Tum là tỉnh miền núi, có địa hình phức tạp, dân cư sống thưa thớt, dẫn đến việc phát triển hạ tầng viễn thông còn gặp nhiều khó khăn. Hạ tầng viễn thông và internet ở một số khu vực thuộc xã vùng sâu, vùng xa còn chưa đảm bảo, sóng điện thoại di động 3G, 4G một số điểm dân cư còn yếu. Tỷ lệ hạ tầng internet bằng rộng phủ đến hộ gia đình còn thấp.

- Việc triển khai hạ tầng thông tin di động tại các khu vực vùng sâu, vùng xa đang còn gặp khó khăn như: vướng quy định đất lâm nghiệp, đất rừng; khu vực chưa có điện lưới, khu vực có mật độ dân cư ít,...

3. Kinh tế số, xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Duy trì sàn thương mại điện tử của tỉnh, đưa thông tin doanh nghiệp, sản phẩm của tỉnh lên hệ thống với sự tham gia của 349 tổ chức, cá nhân với 588 sản phẩm của tỉnh nhằm quảng bá giới thiệu sản phẩm của địa phương trên môi trường mạng; Vận hành hệ thống hội chợ, triển lãm trực tuyến. Đồng thời, các nền tảng giao hàng tiết kiệm, giao hàng nhanh, shopee, Lazada... đã dẫn tiếp cận đến các xã vùng sâu, vùng xa, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại điện tử ở khu vực nông thôn.

- Trong lĩnh vực y tế: có 100/116 cơ sở y tế được trang bị đầu đọc QR code có thể đọc được thẻ CCCD, đạt tỷ lệ 86,21%; từ đầu năm đến nay số lượt người dùng thẻ CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh là 19.476 lượt, chiếm 36,72% trong tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh; tổng giá trị thanh toán không dùng tiền mặt trong năm là 12 tỷ đồng, chiếm 24,16% tổng giá trị thanh toán.

- Trong lĩnh vực bảo hiểm: có 495.660/502.491 (đạt 98,64%) người tham gia BHXH, BHYT, BHTN được đồng bộ, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư.

- Ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục: Các cơ sở giáo dục đã phối hợp với các ngân hàng trên địa bàn tỉnh để triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 175/334 cơ sở giáo dục công lập thực hiện thu học phí thanh toán không dùng tiền mặt, đạt 50%.

- Tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 74,83% (*Tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức 1 trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 23,29%; tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 90,05%*).

b) Khó khăn, vướng mắc:

- Tỷ lệ người dùng internet còn thấp, nguyên nhân cước internet còn cao so với mặt bằng chung của các hộ gia đình có thu nhập thấp.

- Các ứng dụng CNTT y tế đang được triển khai rộng rãi trong ngành y tế, tuy nhiên chất lượng chưa đồng đều, đồng bộ; các ứng dụng, thiết bị thiếu sự kết nối, liên thông.

- Việc tiếp cận các dịch vụ tài chính của người dân còn khó khăn, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Những tiện ích trong việc thực hiện đô thị thông minh còn chậm triển khai.
- Các ứng dụng phục vụ nông nghiệp công nghệ cao còn chậm triển khai.

4. Triển khai Đô thị thông minh

- **Thành phố Kon Tum:** Đã triển khai lắp đặt được 12 Camera an ninh, giám sát trật tự đô thị⁶. Lắp đặt, quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công lộ thông minh tại tuyến đường Trần Phú, thành phố Kon Tum⁷; triển khai thí điểm thay thế 21 bộ đèn và một số thiết bị chiếu sáng hiện hữu bằng thiết bị chiếu sáng sử dụng công nghệ thông minh tại tuyến đường Trần Phú. Thí điểm phần mềm quản lý cây xanh đô thị...

- **Huyện Kon Plông:** Lập dự án xây dựng Trung tâm điều hành, xử lý tập trung đa nhiệm và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số huyện Kon Plông, cụ thể: Đầu tư hạ tầng Trung tâm IOC; Hệ thống camera giám sát thông minh; Hệ thống mạng không dây công cộng; Hệ thống mạng dữ liệu nội bộ; Nền tảng chuyển đổi số (Smart Kon Plông; Hệ sinh thái du lịch Kon Plông; nền tảng quản lý đô thị, Quy hoạch, xây dựng, đất đai,...).

- **Các huyện còn lại:** Ứng dụng Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; Hệ thống camera an ninh thông minh,...

5. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Toàn tỉnh có 82,8% hệ thống thông tin phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.
- Hệ thống đảm bảo an toàn thông tin (SOC) tỉnh và kết nối và chia sẻ thông tin giám sát với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). Số lượng thiết bị tích hợp giám sát 29 thiết bị, số lượng website thực hiện giám sát 34.
- Có 5603 máy chủ, máy trạm được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung.
- Có 67 website được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

b) Khó khăn, vướng mắc:

- Việc xây dựng Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và phương án an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin (*nhất là đối với hệ thống thông tin cấp xã*) còn hạn chế.
- Nguồn nhân lực có chuyên môn về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh rất ít, Đối với cấp huyện, xã hầu như không có.

III. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

Trên thế giới, theo mô hình trưởng thành Chính phủ số và Chuyển đổi số của Garner, cấp độ trưởng thành thứ 3 đang được áp dụng trên toàn cầu là việc tập

⁶ Phòng Quản lý đô thị thành phố quản lý 08 Camera và Ban Quản lý chợ thành phố quản lý 04 Camera.

⁷ Tại văn bản số 2577/UBND-HTKT ngày 01 tháng 7 năm 2023.

trung vào dữ liệu, hay nói cách khác, đặt dữ liệu vào trung tâm của quá trình chuyển đổi (Data-centric). Xu hướng trên thế giới cũng nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc sử dụng các Nền tảng xử lý dữ liệu (Data Platform) trong xây dựng, duy trì và khai phá các kho dữ liệu. Các Nền tảng xử lý dữ liệu cung cấp các công cụ xử lý dữ liệu không cần viết mã (No-Code), hoặc ít mã (Low-Code), có khả năng mở rộng cao, đáp ứng ngay lập tức các nhu cầu sử dụng dữ liệu hiện có và phát sinh trong tương lai mà không đòi hỏi nhân sự phải có trình độ cao. Như vậy, sử dụng các nền tảng là cần thiết, đúng xu hướng và chỉ có sử dụng nền tảng mới đảm bảo được việc thực hiện các mục tiêu nhanh chóng, hiệu quả đáp ứng được tinh thần Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ ngành địa phương.

Tại Việt Nam, trong Toàn văn bài viết về Chuyển đổi số, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã nhấn mạnh rằng *“Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”, trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng”*. Bên cạnh đó, Kiến trúc Chính phủ điện tử 3.0, hướng tới Chính phủ số mà Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng các Kho dữ liệu và Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh tính hiệu quả và đột phá của Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư.

Những điều này thể hiện sự nhận thức về vai trò quan trọng của dữ liệu trong việc định hình và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số và xã hội số trên thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Theo đó, quan điểm Chuyển đổi số của tỉnh cũng cần bắt kịp theo xu hướng của thế giới và định hướng của Chính phủ là tập trung vào dữ liệu, lấy dữ liệu làm trung tâm của quá trình Chuyển đổi số.

2. Sự cần thiết ban hành Đề án: Chuyển đổi số là công việc của nhiều cấp, nhiều ngành và của toàn xã hội, nên cần có một Đề án chung để bảo đảm việc triển khai đồng bộ, có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ rộng khắp, hiệu quả. Do đó, với tinh thần Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum nhằm xác định tầm nhìn, mục tiêu và những định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, đưa ra các mục tiêu mũi nhọn và mục tiêu đột phá.

PHẦN THỨ HAI

NỘI DUNG ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH KON TUM

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động;
- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế;

- Phát triển xã hội số lấy người dân làm trung tâm; phát huy vai trò của doanh nghiệp; có cách tiếp cận linh hoạt, tạo mọi điều kiện cho đổi mới, sáng tạo trên nền tảng số.

- Đến năm 2030: Triển khai các nền tảng chính quyền số, ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT) để thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Tập trung ưu tiên đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực thiết yếu, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh như: Y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, văn hóa, thể thao và du lịch, giao thông vận tải, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, công nghiệp, năng lượng... Cụ thể hóa các mục tiêu đề ra tại các chương trình, kế hoạch của tỉnh.

2. Chính quyền số

- **Mục tiêu:** Phát triển Chính quyền số, hướng tới: (1) Kết nối, chia sẻ dữ liệu để phục vụ người dân, người dân là trung tâm phục vụ. (2) Đổi mới mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước. (3) Hoạt động dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở.

- **Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:**

+ Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 95% và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (*bao gồm thiết bị di động*).

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70%.

+ Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

+ Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

+ Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 95% trở lên.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ 100% văn bản (*trừ văn bản mật*) trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định.

+ Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp huyện đạt 100%; cấp xã đạt 100%.

+ Trên 70% các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội (*không bao gồm nội dung mật*) của các cơ quan hành chính nhà nước phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực

hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ khi được cho phép.

+ 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

+ 100% các thông tin, dữ liệu của địa phương được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội.

+ 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- *Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:*

+ Thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 98%.

+ Duy trì tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

+ Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 98%.

+ 100% báo cáo định kỳ (*không bao gồm nội dung mật*) của các cơ quan hành chính nhà nước phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ khi được cho phép.

+ Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia; 100% các giao dịch Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được xác thực điện tử.

+ Phấn đấu 100% các chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê của địa phương được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh dưới dạng dữ liệu số.

+ 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

3. Về kinh tế số

- **Mục tiêu:** Thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng triệt để công nghệ số nhằm thay đổi mô hình, quy trình, phát triển sản phẩm mới tạo thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).

- *Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:*

+ Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 12%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

+ 100% Trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng thuộc diện triển khai theo kế hoạch năm của ngành thuế phải triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- *Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:*

- + Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 20%.
- + Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.
- + Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 20%.
- + 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình đã đăng ký kinh doanh các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản chủ lực của tỉnh có đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử và có phát sinh giao dịch.

4. Về xã hội số

- *Mục tiêu:*

+ Tất cả mọi người trong xã hội được cung cấp sự truy cập bình đẳng tới thông tin và dịch vụ số. Người dân có các kỹ năng số cần thiết để truy cập và sử dụng thông tin, dịch vụ số một cách hiệu quả.

+ Chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện, nâng cao thông qua sự truy cập toàn diện, thuận tiện đến thông tin và các dịch vụ xã hội thiết yếu nhờ công nghệ số.

- *Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:*

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.

+ Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với học sinh đạt 100%. Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.

+ Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

- *Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:*

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 70%.

+ Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 90%.

+ 100% thông tin các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội được số hóa, cập nhật, quản lý, khai thác trên hệ thống CSDL chuyên ngành lao động, thương binh và xã hội.

5. Phát triển lực lượng lao động số

- **Mục tiêu:** Phân đầu hình thành lực lượng lao động của tỉnh có năng lực, kỹ năng số, có thể ứng dụng công nghệ số một cách đầy đủ, sáng tạo trong công việc.

- **Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:**

+ Phân đầu có 50% người học và nhà giáo có đủ điều kiện tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến.

+ Phân đầu 70% chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.

+ 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước, Tổ công nghệ số cộng đồng hằng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số và an toàn thông tin mạng.

+ 70% số người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

+ 100% sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (*kể cả đơn vị trực thuộc Sở, ngành*); Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chú trọng bố trí bộ phận hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- **Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:**

+ 100% người học và nhà giáo có đủ điều kiện tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến.

+ Phân đầu 100% chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.

+ 100% đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

+ 90% số người dân trong độ tuổi lao động biết đến các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; thành thạo cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

6. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số

- **Mục tiêu:**

+ Phát triển hạ tầng băng rộng bảo đảm phục vụ cho chuyển đổi số.

+ Ứng dụng hạ tầng điện toán đám mây cho khối cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

+ Triển khai mạng LoraWan phục vụ hạ tầng IoT.

+ Phát triển tài nguyên dữ liệu, quản trị dữ liệu.

- + Ứng dụng hạ tầng dịch vụ định danh, xác thực điện tử quốc gia.
- + Nâng cấp trung tâm dữ liệu của tỉnh;
- + Triển khai hệ thống truyền thanh thông minh trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn.
- + Chuyển đổi hạ tầng internet sang thế hệ mới IPv6;
- + Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.
- **Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:**

- + 100% các thôn đang lõm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động;
- + 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng khi có nhu cầu.
- + Triển khai nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Vận hành hiệu quả Kho cơ sở dữ liệu của tỉnh; Chuyển đổi hạ tầng internet sang thế hệ mới IPv6.
- + Phấn đấu 50% chỉ tiêu thống kê của tỉnh được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số.
- + Phấn đấu 100% chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP8, Nghị quyết số 02/NQ-CP9 hằng năm của Chính phủ và Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ¹⁰ được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.
- + 100% CSDL dùng chung, CSDL mở (*ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023*) được cập nhật đảm bảo, đúng quy định.
- + 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin;
- + 100% hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.
- + 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị (cấp tỉnh, huyện, xã) được kết nối và giám sát với Hệ thống đảm bảo an toàn thông tin (SOC) tỉnh Kon Tum.

- **Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:**

- + 100% đơn vị hành chính cấp xã có mạng băng rộng di động 5G.
- + Hạ tầng mạng truy cập băng rộng cáp quang bảo đảm 100% người sử dụng có khả năng truy nhập với tốc độ trên 1Gb/s.
- + 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương được dịch chuyên trên nền tảng điện toán đám mây.
- + Duy trì 100% hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.
- + 100% cơ quan nhà nước sử dụng hạ tầng internet thuần IPv6.

⁸ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

⁹ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

¹⁰ Về việc ban hành khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

+ 100% các Trung tâm đô thị trên địa bàn tỉnh ứng dụng các dịch vụ đô thị thông minh đến các trung tâm đô thị của tỉnh. Triển khai ứng dụng AI để giải quyết ít nhất một vấn đề bức thiết của xã hội tại đô thị.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chính quyền số

a) Thể chế số

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, tránh chồng chéo.

- Ban hành các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số như: chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng đội ngũ công chức, viên chức làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (*nhất là các CSDL quốc gia, CSDL ngành*), quy chế, quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

* *Phân công thực hiện*

- **Đơn vị chủ trì:** Các sở, ban ngành.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh.

* **Phương pháp, cách thức thực hiện:** Căn cứ các quy định của bộ, ngành Trung ương, các sở, ban ngành chủ động rà soát, xây dựng và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, cụ thể hóa trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số cơ quan nhà nước

Hạ tầng phục vụ chuyển đổi số cơ quan nhà nước cần được xây dựng dựa trên mô hình kết hợp hài hòa giữa tập trung và phân tán, giữa địa phương và Trung ương. Tối đa hóa, tập trung hóa những hạ tầng chia sẻ, dùng chung quy mô quốc gia; ứng dụng hiệu quả điện toán đám mây để kết nối, chia sẻ hạ tầng, nền tảng, dịch vụ. Duy trì, phát huy Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã triển khai tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

* *Phân công thực hiện*

+ **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

+ **Đơn vị phối hợp:** Các đơn vị, địa phương; các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin.

* *Phương pháp, cách thức thực hiện:*

- Sở Thông tin và Truyền thông: (i) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành triển khai Nâng cấp trung tâm dữ liệu của tỉnh, ứng dụng điện toán đám mây; đánh giá mức độ an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành chính thức; triển khai kết nối, chia sẻ với Trung tâm dữ liệu quốc gia; (ii) Đầu tư trang thiết bị và các ứng dụng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đảm bảo kết nối IPv6.

- Các đơn vị, địa phương triển khai đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và các ứng dụng đảm bảo kết nối IPv6; duy trì, ứng dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động tại đơn vị.

*** Thời gian thực hiện:** Năm 2025 và các năm tiếp theo.

c) Phát triển nhân lực số trong cơ quan nhà nước

Triển khai đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số và an toàn thông tin đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khối cơ quan nhà nước theo kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh¹¹.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, các địa phương, đơn vị có liên quan.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện:**

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát, lập danh sách học viên, đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông để cung cấp công cụ đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Các đơn vị, địa phương tùy vào tình hình thực tiễn, chủ động xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn lực; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng tập trung, ngắn hạn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị, địa phương mình.

*** Thời gian thực hiện:** Thực hiện thường xuyên.

d) Nhận thức số

Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng về lợi ích và tầm quan trọng của chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm bắt, hiểu cùng đồng hành thực hiện thành công công cuộc chuyển đổi số Quốc gia; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

- **Đơn vị phối hợp:** Các đơn vị, địa phương; các cơ quan báo chí, truyền thông.

¹¹ Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện:**

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng các tài liệu tuyên truyền gửi các đơn vị, địa phương tổ chức truyền thông thông qua các loại phương tiện truyền thông khác nhau; tổ chức đánh giá hiệu quả truyền thông; đánh giá tác động để có phương án tham mưu điều chỉnh kịp thời.

- Các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các đơn vị, địa phương thực hiện truyền thông nội bộ, tổ chức thực hiện tuyên truyền cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, lao động trong cơ quan, địa phương mình thông qua các phương tiện truyền thông sẵn có của đơn vị, địa phương.

*** Thời gian thực hiện:** Thực hiện thường xuyên.

đ) Nền tảng số

- Nguyên tắc chung ứng dụng các nền tảng số: (1) Tham chiếu các nền tảng số Bộ Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn tại Văn bản số 2224/BTTTT-THH ngày 09 tháng 6 năm 2022. (2) Ưu tiên tối đa đầu tư, sử dụng các nền tảng thương mại có sẵn, và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kỹ thuật theo quy định. (3) Các Nền tảng cung cấp các công cụ không cần viết mã (No-Code) hoặc ít mã (Low-Code) giúp dễ dàng tùy biến và khả năng đáp ứng ngay lập tức các nhu cầu có sẵn hoặc nhu cầu thay đổi liên tục trong quá trình điều hành; các nền tảng có khả năng đáp ứng triển khai trên quy mô rộng từ tỉnh đến xã. (4) Các Nền tảng phải được triển khai theo mô hình Microservice giúp dễ dàng mở rộng hoặc thu hẹp quy mô tùy theo nhu cầu sử dụng.

- Tiếp tục duy trì và cải tiến các nền tảng dung chung đã triển khai: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP); Hệ thống Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp,...

- Danh mục các nền tảng số cần ưu tiên đầu tư, sử dụng giai đoạn 2024-2025 và tầm nhìn 2030 theo Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024¹² của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Các đơn vị, địa phương.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Doanh nghiệp Công nghệ thông tin, nền tảng số.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện:**

¹² Về sửa đổi nội dung tại Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyên đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương rà soát, đề xuất triển khai các ứng dụng, nền tảng, giải pháp phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, địa phương (*quy mô, nội dung, kinh phí, thời gian triển khai, phạm vi triển khai,...*), tổng hợp nhu cầu gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp tham mưu danh mục nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm đảm bảo theo quy định, hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

*** Thời gian thực hiện:** Khi cấp có thẩm quyền cho chủ trương.

e) Dữ liệu số

- Dữ liệu là nền tảng, yếu tố cốt lõi, then chốt, không thể tách rời của chuyển đổi số; dữ liệu phải gắn kết chặt chẽ, xuyên suốt trong mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ra quyết định của lãnh đạo các cấp, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Việc phát triển dữ liệu, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹³.

- Tiếp tục hoàn thiện Kho CSDL dữ liệu tập trung của tỉnh là bước đi quan trọng trong quá trình hình thành và hoàn thiện dữ liệu số, giúp tỉnh quản lý hiệu quả nguồn dữ liệu, nâng cao chất lượng dịch vụ công và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Kho dữ liệu tập trung của tỉnh đóng vai trò như một trung tâm lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu đa dạng từ các sở, ban, ngành và đơn vị hành chính khác nhau. Việc hình thành kho dữ liệu theo từng lĩnh vực quản lý (Domain) cho từng sở, ban, ngành là nhu cầu bắt buộc. Nhiệm vụ trọng tâm thực hiện đến năm 2025, mỗi sở, ban, ngành chọn ra từ 2 đến 3 Domain quan trọng, mũi nhọn để đảm bảo tính khả thi. Các Domain còn lại các đơn vị chuyên môn liên quan lên kế hoạch hoàn thiện trước năm 2030.

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai có hiệu quả Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1960/UBND-KGVX ngày 05 tháng 6 năm 2024¹⁴.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

¹³ Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở tỉnh Kon Tum.

¹⁴ Về triển khai Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

- **Đơn vị phối hợp:** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh, các địa phương, đơn vị có liên quan; các Doanh nghiệp Công nghệ thông tin, nền tảng số.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện**

- Các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành: (i) triển khai số hóa dữ liệu thuộc đơn vị, địa phương quản lý; (ii) xây dựng, ứng dụng Nền tảng CSDL chuyên ngành; (iii) cập nhật CSDL thường xuyên, đảm bảo; (iv) cung cấp, chia sẻ CSDL dùng chung, CSDL mở theo Quyết định số 528/QĐ-UBND và Quyết định số 1012/QĐ-TTg; (v) duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu; (vi) công khai, mở dữ liệu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục hoàn thiện Kho CSDL dữ liệu tập trung của tỉnh ứng dụng nền tảng công nghệ hiện đại để hỗ trợ tổng hợp, báo cáo, phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình dự báo giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành, ra quyết định hiệu quả và kịp thời.

- Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị, địa phương thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

g) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Đảm bảo đến năm 2025, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Rà soát, triển khai các dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy.

- Lưu trữ, chứng thực các giấy tờ tài liệu điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp tham gia môi trường số.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh, các đơn vị, địa phương.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện**

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện tái cấu trúc quy trình, thiết kế, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên cơ sở cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử, bảo đảm người dân chỉ cung cấp thông tin, giấy tờ một lần cho cơ quan nhà nước. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa các cấp, số hóa, cung cấp các dịch vụ công phi địa giới hành chính, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong chuyển đổi số, nhất là các đối tượng yếu thế.

- Các đơn vị, địa phương được xác định danh mục thủ tục hành chính đảm bảo điều kiện triển khai số hóa lên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chủ động

phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông rà soát dữ liệu số hóa là giàu cho CSDL quốc gia về dân cư nhằm đảm bảo điều kiện thay thế cho các giấy tờ (*thành phần hồ sơ*) được xác thực qua CSDL quốc gia về dân cư.

h) Nhóm nhiệm vụ theo Đề án 06

- Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào, an ninh, trật tự tại khu du lịch, khu công nghiệp, bến xe, khu công cộng.

- Triển khai giải pháp xử phạt giao thông và trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng nền tảng Quản lý Lưu trú tại nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn, nhà khách, nhà công vụ, nhà cho thuê, nhà ở trong khu công nghiệp, cơ sở khám chữa bệnh, xe khách đường dài;...

- Triển khai tích hợp đầu đọc CCCD gắn chip tại các điểm dịch vụ như: Cơ sở khám chữa bệnh; Công chứng, chứng thực; Cơ sở kinh doanh có điều kiện về ATTT; Giám sát thi cử, sát hạch GPLX; Thanh toán không dùng tiền mặt; Thi cử online;...

- Xây dựng hệ thống định danh thống nhất cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, tích hợp với nền tảng Định danh và xác thực điện tử Quốc gia (VneID).

- Khai thác các bài toán phân tích dữ liệu trong CSDL quốc gia về Dân cư phục vụ điều hành và an sinh xã hội.

- Thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 3765/KH-TCT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác triển khai Đề án 06 về triển khai các mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Công an tỉnh.

- **Đơn vị phối hợp:** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị, địa phương.

- **Phương pháp, cách thức thực hiện:** Thực hiện theo Kế hoạch số 3765/KH-TCT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác triển khai Đề án 06.

2. Kinh tế số

a) Cải thiện hệ sinh thái khởi nghiệp

Phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ số; khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp (start-up) công nghệ số đổi mới sáng tạo và tạo các sản phẩm, dịch vụ mới.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công Thương; Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; Trường Cao đẳng Kon Tum; các địa phương, đơn vị có liên quan.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Trường Đại học, Cao đẳng và các đơn vị có chức năng liên quan tổ chức các lớp tập huấn/Hội thảo về Khởi nghiệp gắn với ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dành cho các đối tượng là doanh nghiệp hoặc cá nhân, chủ dự án khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị, địa phương thực hiện hỗ trợ trong việc tạo ra các môi trường thử nghiệm cho các mô hình kinh doanh, sản phẩm mới. Sử dụng các sản phẩm số đổi mới, sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp. Hỗ trợ các thủ tục liên quan bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Sở Công thương kết nối, tiếp thị sản phẩm doanh nghiệp khởi nghiệp số tới các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh nắm bắt, ứng dụng.

- Cục thuế tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan hỗ trợ thủ tục thuế nhanh chóng và đơn giản cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

b) Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp

Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp thay đổi mô hình kinh doanh, quy trình sản xuất, sản phẩm để nâng cao năng suất lao động, phát triển thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bằng công nghệ số.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Cục Thuế tỉnh; các đơn vị, địa phương.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện**

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp các đơn vị, địa phương triển khai hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trên địa bàn tỉnh Kon Tum chuyển đổi số¹⁵. Thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.VN”. Quảng bá, nâng cao nhận thức lợi ích, hỗ trợ bồi dưỡng về chuyển đổi số, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các khu vực khó khăn.

- Sở Công thương chủ trì phối hợp các đơn vị, địa phương hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trực tuyến và đưa các mục sản phẩm lên môi trường thương mại điện tử.

- Cục Thuế tỉnh chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan: tham mưu ban hành các chính sách ưu đãi như về thuế cho doanh nghiệp trong việc sử dụng các công cụ số.

c) Phát triển thương mại điện tử

- Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia các sàn giao dịch điện tử như: Shopee, Tiki, Sendo, Amazon, Lazada,... và sàn thương mại điện tử tỉnh Kon

¹⁵ Kế hoạch số 3716/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tum. Ứng dụng nền tảng Chợ online để các doanh nghiệp quảng bá, trao đổi, mua bán sản phẩm trên môi trường số.

* ***Phân công thực hiện:*** Sở Công Thương chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Hiện đại hóa mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng bưu chính sẽ phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử¹⁶. Phát huy hệ thống định danh địa chỉ (postcode) đến từng hộ gia đình¹⁷.

* ***Phân công thực hiện:*** Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và các địa phương, đơn vị có liên quan.

d) Tạo điều kiện phát triển cho kinh tế chia sẻ

Triển khai Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ¹⁸; bảo đảm môi quan hệ giữa các thành phần trên nền tảng phải minh bạch; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh.

* ***Phân công thực hiện:*** Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

đ) Phát triển kinh tế số lĩnh vực nông nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân liên kết sản xuất và kết nối tiêu thụ ảo trên nền tảng ứng dụng hệ thống chuỗi số Blockchain như Nền tảng Hệ sinh thái nông nghiệp số VNPT GREEN để quản lý chuỗi cung ứng, từ sản xuất đến phân phối trên môi trường số, đảm bảo tính chính xác và minh bạch dữ liệu vùng trồng liên kết của chuỗi cung ứng sản phẩm nông lâm sản không liên quan đến phá rừng và làm suy thoái rừng theo quy định của EUDR.

* ***Phân công thực hiện:*** Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

3. Xã hội số

a) Giảm khoảng cách số

- Phát triển kỹ năng số cơ bản cho người dân để xóa mù về kỹ năng số.
- Phổ cập kỹ năng số an toàn (*trang bị các kỹ năng để phòng ngừa tội phạm qua môi trường mạng*).
- Phổ cập kỹ năng cho người dân sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo thế hệ mới (Generative AI).
- Đảm bảo điều kiện công dân số (*Tài khoản định danh điện tử (VNeID), tài khoản thanh toán điện tử, địa chỉ số, chữ ký số cho 100% người dân đảm bảo điều kiện*).

* ***Phân công thực hiện:***

¹⁶ Kế hoạch số 936/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

¹⁷ Kế hoạch số 1164/KH-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

¹⁸ Văn bản số 2851/UBND-KTTH ngày 29 tháng 10 năm 2019 về triển khai Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn phổ cập kỹ năng số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Phát triển các điểm hỗ trợ cộng đồng để cung cấp các truy cập tới các dịch vụ số cũng như đào tạo trực tuyến và cơ hội kinh doanh qua mạng. Vận động Nhân dân tham gia các khóa bồi dưỡng trực tuyến về kỹ năng số cơ bản và kỹ năng số an toàn do các cấp, các ngành tổ chức (mở, đại trà).

- Công an tỉnh chủ trì trong việc khởi tạo và cấp phát tài khoản định danh điện tử (*100% tài khoản định danh điện tử đối với người dân đủ điều kiện*).

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và địa phương triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh đối với người dùng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới để khuyến khích việc ứng dụng công nghệ số. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh triển khai chữ ký số cho người dân đủ điều kiện. Chỉ đạo Bưu điện tỉnh triển khai hoàn thiện các trường dữ liệu, cung cấp địa chỉ số cho người dân.

- Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh khởi tạo, cấp tài khoản thanh toán điện tử cho người dân, có chính sách phù hợp cho người dân vùng sâu, vùng xa.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học, cao đẳng tổ chức các cuộc thi sáng tạo; khuyến khích sinh viên, học sinh và người dân tham gia các cuộc thi sáng tạo về Generative AI.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu ứng dụng các tài nguyên tri thức và nội dung số mang đặc thù địa phương (*ứng dụng AI trong tra cứu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Kon Tum ban hành; ứng dụng AI trong hỗ trợ, tra cứu ngôn ngữ DTTS trên địa bàn tỉnh, ...*).

- Doanh nghiệp viễn thông phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các địa phương triển khai cấp phát chữ ký số cho công dân.

* **Thời gian thực hiện:** Thực hiện thường xuyên.

b) Đổi mới phương thức học tập nhờ công nghệ số

- Áp dụng công nghệ giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi triển khai mạnh mẽ công nghệ số trong các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục¹⁹.

* **Phân công thực hiện:** Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh²⁰.

* **Phân công thực hiện:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

c) Nâng cao khả năng truy cập, chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe

¹⁹ Kế hoạch 1469/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

²⁰ Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022.

- Số hóa và sử dụng dữ liệu để tạo ra các dịch vụ y tế, sản phẩm mới; chuẩn hóa và trao đổi dữ liệu của ngành y tế.

- Triển khai Hồ sơ y tế điện tử (HER) và chứng nhận tiêm vắc xin điện tử (EVC); Kết nối chia sẻ hồ sơ y tế với Trung ương.

- Triển khai bệnh án điện tử tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các hệ thống chăm sóc sức khỏe, y tế từ xa dựa trên công nghệ số.

* **Phân công thực hiện:** Sở Y tế chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

d) Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, cảnh báo môi trường

Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường; các giải pháp thông minh nhằm cảnh báo sớm thiên tai.

* **Phân công thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

đ) Ứng dụng công nghệ số bảo đảm trật tự an toàn xã hội:

Triển khai các giải pháp thông minh, như: Hệ thống giám sát an ninh trật tự; camera AI,... nhằm góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

* **Phân công thực hiện:** Công an tỉnh chủ trì phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan.

4. Phát triển hạ tầng số

a) Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

- **Đơn vị phối hợp:** Các địa phương, đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp viễn thông.

b) Phát triển hạ tầng băng rộng

- Triển khai băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh (đến các thôn, trường học, bệnh viện, trung tâm cộng đồng), bảo đảm tính liên tục, dự phòng; phát triển hạ tầng mạng 5G; cáp quang đến hộ gia đình; mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã.

- Ưu tiên triển khai hệ thống Wifi công cộng đến các khu sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

- **Đơn vị phối hợp:** Các đơn vị, địa phương; doanh nghiệp Bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

c) Phát triển hạ tầng điện toán đám mây: Ứng dụng điện toán đám mây cho cả khu công và khu vực tư.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông; các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin.

- **Đơn vị phối hợp:** Các địa phương đơn vị có liên quan.

d) Phát triển hạ tầng IoT: Phát triển các nền tảng IoT; triển khai mạng IoT diện rộng phục vụ triển khai đô thị thông minh.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng.

đ) Phát triển, ứng dụng tài nguyên dữ liệu quốc gia

- Tập trung phát triển các cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền số, chính phủ số, trong đó ưu tiên 10 cơ sở dữ liệu theo Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ²¹.

- Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước, doanh nghiệp; Triển khai các công nghệ số mới để khai thác hiệu quả dữ liệu (AI, BigData,...).

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Các đơn vị, địa phương.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh.

5. An toàn thông tin mạng

Đảm bảo các Nền tảng số/Hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06 và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông²², các Nền tảng số/Hệ thống thông tin cần đáp ứng an toàn thông tin cấp độ 3 trở lên.

*** Phân công thực hiện**

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Thông tin và Truyền thông.

- **Đơn vị phối hợp:** Công an tỉnh; các địa phương đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

*** Phương pháp, cách thức thực hiện:**

²¹ Quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

²² Văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0); Văn bản số 708/BTTTT-CATTT ngày 02 tháng 3 năm 2024 về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26 tháng 4 năm 2022.

- Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

- Triển khai hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) toàn diện đến tất cả các đơn vị, địa phương (bao gồm cấp xã).

- Triển khai đảm bảo trên 90% máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối cho các cán bộ công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã được trang bị giải pháp phòng, chống mã độc theo Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại tính đến hết năm 2025.

- Hoàn thiện các hạng mục an toàn thông tin mạng, an ninh mạng để đảm bảo đạt cấp độ an toàn thông tin theo quy định.

- Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

- Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

6. Về cơ chế tài chính

Hàng năm ưu tiên kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách chi thường xuyên các ngành, các cấp (tối thiểu 1%) bố trí cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh và các nguồn huy động hợp pháp khác để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển, ứng dụng nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số; các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Đề án.

- Lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án khác; sử dụng có hiệu quả, hợp lý nguồn lực theo các mục tiêu, ưu tiên chính sách hỗ trợ kinh phí trang bị các thiết bị số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Huy động nguồn xã hội hóa, nguồn đầu tư của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp quản lý và vận hành hạ tầng thiết yếu để triển khai thực hiện Đề án.

7. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng tâm, đột phá

a) Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Ứng dụng công nghệ số (*dữ liệu lớn IoT, viễn thám*) để số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình sản xuất.
- Xây dựng hệ thống thông tin ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp trên môi trường số.
- Xây dựng thí điểm và nhân rộng mô hình thôn thông minh.
- Quản lý, giám sát chuỗi cung ứng bằng công nghệ số; bảo đảm sự nhanh chóng, minh bạch, chính xác.
- Xây dựng kế hoạch, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

*** Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá**

- Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cập nhật, số hóa dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh.
- Năm 2025, hoàn thành thí điểm 01 mô hình thôn thông minh, triển khai thí điểm ít nhất 05 hợp tác xã, 02 doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất các nông sản xuất khẩu sử dụng Nền tảng số nông nghiệp để phục vụ quản lý tiêu chuẩn chất lượng nông nghiệp, liên kết doanh nghiệp đầu ra, truy xuất nguồn gốc và quản lý chuỗi giá trị nông sản.

*** Phân công thực hiện và lộ trình thực hiện:** Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

b) Lĩnh vực Văn hóa, Du lịch

- Số hóa các di sản văn hóa để phổ cập qua công nghệ số.
- Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu về du lịch (hướng dẫn viên, doanh nghiệp, cơ sở lưu trú, điểm du lịch,...).
- Phát triển đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo, công nghệ thực tế ảo tăng cường VR360 và các công nghệ tiên tiến khác phục vụ du khách, cộng đồng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

*** Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá**

- Triển khai hệ thống Bảo tàng số.
- Triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Chuyển đổi số hoạt động du lịch trên địa bàn huyện Kon Plông (*Xây dựng Hệ thống Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh, số hóa các điểm du lịch trên địa bàn huyện Kon Plông sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR 360) và lắp đặt QR tại các điểm du lịch phục vụ du khách, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ du khách tham quan và tìm hiểu các thông tin du lịch*).

*** Phân công thực hiện và lộ trình thực hiện:** Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

c) Lĩnh vực Y tế

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai các nền tảng số y tế trong quản lý và chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030.

- Đầu tư, nâng cấp, chuẩn hóa, hoàn thiện các hệ thống thông tin đã được triển khai trong thời gian qua của ngành Y tế theo hướng nền tảng số đồng bộ, liên thông, đúng chuẩn dữ liệu của ngành Y tế để tạo lập nên cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh của ngành Y tế. Triển khai nhân rộng các ứng dụng này cho tất cả cơ sở y tế trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hiện đại hóa nền hành chính, khám chữa bệnh từ xa; triển khai bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phòng, chống dịch bệnh, tác hại môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phân đấu mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử.

*** Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá**

- Triển khai chữ ký số cho nhân viên y tế phục vụ triển khai Bệnh án điện tử.

- Triển khai KIOSK y tế thông minh đến các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

*** *Phân công thực hiện và lộ trình thực hiện:*** Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

d) Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

- Nâng cấp, chuẩn hóa các hệ thống thông tin đã được triển khai để đảm bảo tính đồng bộ, liên thông và lưu trữ thông tin thống nhất vào cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, triển khai đồng bộ đến các cơ sở giáo dục trên phạm vi toàn tỉnh.

- Triển khai các nền tảng số hỗ trợ dạy và học; tất cả các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện triển khai công tác dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong việc giảng dạy của giáo viên, giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên. Đảm bảo triển khai chương trình dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng và triển khai các nền tảng số, số hóa bài giảng, tài liệu dạy học, chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tuyến phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu trong cộng đồng, hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh với sự tham gia của giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên.

- Phát triển hệ thống thư viện điện tử, trung tâm học liệu, cơ sở lưu trữ,... hình thành thư viện số, trung tâm lưu trữ tài nguyên số kết nối hiệu quả trên nền tảng Internet.

- Xây dựng và hoàn thiện phân hệ quản lý nhà nước trên nền tảng số ngành Giáo dục và Đào tạo, tạo lập môi trường số quản lý toàn diện ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*** Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá:**

- Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học triển khai trong ngành giáo dục tỉnh Kon Tum.

- Triển khai phần mềm (hệ thống) trung tâm điều hành giáo dục.

- Triển khai phần mềm học tập trực tuyến ngành Giáo dục và Đào tạo.
- Triển khai ứng dụng phần mềm học bạ số.

*** *Phân công thực hiện và lộ trình thực hiện:*** Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

e) Lĩnh vực Giao thông vận tải

- Xây dựng cơ sở dữ liệu giao thông để thuận tiện trao đổi, kết nối, hướng tới không giấy tờ.
- Số hóa cơ sở dữ liệu để đơn giản hóa việc quản lý vận chuyển, cung cấp thông tin cho khách hàng, giúp vận chuyển hiệu quả hơn và thân thiện với môi trường và tận dụng tốt hơn các nguồn tài nguyên và cơ sở hạ tầng giao thông.

*** *Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá***

- Triển khai nền tảng quản lý lưu trú trên xe khách đường dài.
- Triển khai thiết bị giám sát thi, sát hạch lái xe.
- Triển khai sử dụng Căn cước gắn chip quét thanh toán vé xe không dùng tiền mặt.

*** *Phân công thực hiện và lộ trình thực hiện:*** Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

8. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực khác

a) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng: Triển khai các hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập tài chính quốc gia, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngân hàng.

b) Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn (cơ sở dữ liệu về: đất đai; nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thủy sản; viễn thám; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản;...) nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Triển khai nâng cấp, mở rộng các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

c) Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng cơ sở dữ liệu về Quy hoạch xây dựng, kiến trúc.

d) Lĩnh vực công thương

- Xây dựng, triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành công thương.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

đ) Lĩnh vực báo chí, thông tin cơ sở

- Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi nội dung số, nâng cao năng lực, chất lượng sản xuất chương trình, tin bài cho báo chí, phát thanh, truyền hình, đồng thời tạo ra các phương thức sản xuất mới đa dạng và hiệu quả; mở rộng sản xuất nội dung chương trình có tính tương tác; sản xuất và biên tập trực tiếp trên thiết bị điện tử, di động.

- Số hóa nội dung truyền thông của đài truyền thanh cấp huyện.
- Xây dựng đài truyền thanh cấp xã theo ứng dụng CNTT-VT và kết nối với hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh và Trung ương.

e) Phát triển đô thị thông minh

- Triển khai đô thị thông minh theo Quyết định 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ²³; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy²⁴; Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh²⁵; Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh²⁶.

- Nghiên cứu triển khai Hệ thống điều hành đô thị thông minh (IOC) phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp: Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội; Phân tích tình hình dân cư; Phân tích tình hình lao động; Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú; Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;... theo Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của đề án bao gồm ngân sách nhà nước (*ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương*); nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nhu cầu vốn thực hiện Đề án

- Vốn đầu tư (*ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác*): Khoảng 71.870 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp (*ngân sách tỉnh, vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, Vốn các doanh nghiệp triển khai hạ tầng và dịch vụ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác*): Khoảng 267.027 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tổ chức triển khai Đề án.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp phát triển hạ tầng số; phát triển Chính quyền số, ứng dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh; thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực thông tin và truyền thông.

²³ Phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững việt nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

²⁴ Về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

²⁵ Về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

²⁶ Ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0.

- Hỗ trợ các đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình thực hiện Đề án đảm bảo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực công nghệ số, công nghệ thông tin để làm cơ sở thu hút, mời gọi đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn đối với công chức, viên chức để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng.

- Triển khai công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và vai trò chuyển đổi số trong cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận toàn xã hội cùng tham gia, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

- Đánh giá sự cần thiết, hiệu quả thực chất đối với các đề xuất chủ trương đầu tư/thuê ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị đảm bảo theo quy định, tránh trùng lặp (*với các hệ thống bộ, ngành Trung ương có phân quyền, phân cấp về địa phương...*), lãng phí, kém hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị có liên quan, định kỳ hằng năm, rà soát, đánh giá hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin (*hệ thống/phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin*) trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp xử lý đối với các hệ thống hoạt động kém hiệu quả, trùng lặp, có khả năng dùng chung, chi phí cao so với thực tiễn,...

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030; lựa chọn, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình trong công tác chuyển đổi số vào dịp sơ kết, tổng kết Đề án theo quy định hiện hành.

- Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả triển khai Đề án (*6 tháng, năm và đột xuất*); đề xuất cập nhật, bổ sung các nội dung Đề án khi cần thiết, đáp ứng tình hình thực tế.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, thực hiện chế độ báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của chuyển đổi số.

3. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất các chính sách thử nghiệm; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các trường đại học, doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

4. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các địa phương, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp để triển khai các nhiệm vụ thực hiện Đề án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định khác có liên quan, theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh theo đề án được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các địa phương, đơn vị thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số; triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế số theo Đề án.

6. Sở Nội vụ:

- Hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phát động Phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum có lồng ghép nội dung, chỉ tiêu về công tác chuyển đổi số; Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình trong công tác chuyển đổi số bảo đảm quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; tham mưu kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị đảm bảo đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng.

7. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Căn cứ mũi đột phá đã được xác định tại các chương trình, kế hoạch, nghị quyết của tỉnh, xây dựng Đề án/dự án/chương trình/kế hoạch chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện (*nội dung phải bám sát vào Đề án này và các chương trình, chiến lược, đề án, kế hoạch chuyển đổi số của bộ, ngành chủ quản*); đồng thời, tận dụng tối đa các nguồn lực hỗ trợ của Trung ương và nguồn lực xã hội hóa để thực hiện chuyển đổi số.

8. Các đơn vị, địa phương:

- Thủ trưởng các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chuyển đổi số do đơn vị, địa phương phụ trách.

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả, trong đó ưu tiên lựa chọn các lĩnh vực mũi nhọn của ngành, địa phương để triển khai thực hiện.

- Lòng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ của chương trình, kế hoạch, đề án chuyển đổi số của bộ, ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, bảo đảm tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng.

- Triển khai các ứng dụng tạo nền tảng phát triển đô thị thông minh trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; tích cực tham gia xây dựng lực lượng nòng cốt, xung kích, lan tỏa chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

10. Các doanh nghiệp viễn thông:

- Tích cực tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, hoàn chỉnh hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn tỉnh.

- Thể hiện vai trò dẫn dắt, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động.

11. Công ty Điện lực tỉnh Kon Tum:

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng điện ở khu vực vùng sâu, vùng xa nhằm phục vụ nhân dân và phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp và các nhiệm vụ chuyển đổi số liên quan của Đề án.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum, Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình; truyền thông lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

Phụ lục
Khái toán kinh phí thực hiện Đề án

TT	Nhiệm vụ/ Dự án	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Quy mô, nội dung
I	Hạ tầng số						
1	Triển khai hạ tầng viễn thông và Internet (5G)			Các Doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	2024-2030	Giai đoạn 2024-2025: 175 trạm 5G; Giai đoạn 2026-2030: 100% trung tâm xã có sóng 5G
2	Phổ cập kết nối cáp quang băng rộng tới hộ gia đình			Các Doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	2024-2030	100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu
3	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	26.910	Đầu tư (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các đơn vị có liên quan	2025-2027	- Cải tạo Datacenter - Thiết bị hạ tầng kỹ thuật Datacenter - Hệ thống NOC giám sát Datacenter - Hệ thống mạng - Hệ thống máy chủ, lưu trữ, sao lưu dự phòng - Phần mềm nền tảng ảo hóa và các phần mềm khác (<i>phần mềm ứng dụng cho máy chủ</i>).
4	Triển khai Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật Internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum	44.960	Đầu tư (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	2025-2027	- Đầu tư trang thiết bị và các ứng dụng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn Ipv6. - Đầu tư trang thiết bị và các ứng dụng tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đảm bảo kết nối Ipv6.

5	Triển khai Hệ thống truyền thanh thông minh trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn	26.250	Ngân sách tỉnh; Vốn CTMTQG	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	UBND cấp xã	2023-2025	100% xã, phường, thị trấn có hệ thống truyền thanh hoạt động đến thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư (Kế hoạch số 4204/KH-UBND ngày 11/12/2022)
6	Triển khai hệ thống WIFI công cộng đến các khu sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa	4.200	Ngân sách tỉnh; Vốn CTMTQG	UBND cấp huyện	UBND cấp xã	Bắt đầu từ năm 2025	Dự kiến triển khai 300 thôn, làng; + Chi phí lắp đặt + thiết bị: 10 triệu/điểm. + Chi phí cước dịch vụ: 02 triệu/năm.
7	Ứng dụng điện toán đám mây trong phát triển hạ tầng CSDL đất đai	3.816	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Các doanh nghiệp viễn thông	2025-2030	Giai đoạn 2025: Điều chuyển 02 hệ thống CSDL đất đai của TP Kon Tum và huyện Đắk Tô; Máy chủ API kết nối CSDL đất đai với Bộ Tài nguyên và Môi trường lên đám mây; Giai đoạn 2026-2030: Duy trì và mở rộng hệ thống theo nhu cầu thực tế; Triển khai các giải pháp an toàn bảo mật thông tin
II Các nhiệm vụ kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06							
1	Triển khai các mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh			Các sở ngành	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025	Thực hiện 42 Mô hình theo Kế hoạch số 3765/KH-TCT ngày 01/11/2023.
2	Triển khai nền tảng số phục vụ triển khai Đề án 06	1.500	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Công an tỉnh	Sở Giao thông vận tải; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	2025-2026	Triển khai nền tảng quản lý lưu trú trên xe khách đường dài.
				Sở Giao thông vận tải	Công an tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp		Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe.

					ng nghiệp có liên quan		
				Công an tỉnh	Sở Giao thông vận tải; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan		Triển khai sử dụng Căn cước gắn chip quét thanh toán vé xe không dùng tiền mặt.
III	Chính quyền Số						
1	Các nền tảng/giải pháp cốt lõi						
1.1	Duy trì, nâng cấp Hệ thống giám sát an ninh không gian mạng (SOC)	4.291	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	2024-2026	- Triển khai giám sát toàn diện đến các đơn vị, địa phương (bao gồm cấp xã). - Triển khai các giải pháp bảo mật đảm bảo tối thiểu đạt cấp độ 3 cho các Nền tảng/ HTTT của tỉnh để kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.
1.2	Duy trì, nâng cấp nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu tập trung của Tỉnh (LGSP)	8.351	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	2024-2026	Các CSDL/HTTT của các Bộ, ban ngành Trung ương với tỉnh
1.3	Hệ thống quản lý CSDL về quy hoạch xây dựng, kiến trúc để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành	9.250	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Xây dựng; UBND cấp huyện; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị liên quan	2025-2030	Triển khai Hệ thống quản lý CSDL về quy hoạch xây dựng, kiến trúc dùng chung cho toàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành ra quyết định.
1.4	Triển khai hệ thống Bảo tàng số	3.780	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Các hồ sơ, tư liệu, hiện vật; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đang lưu giữ tại bảo tàng tỉnh và các di tích trên địa bàn tỉnh (di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh) được số hóa và ứng dụng trên nền tảng số.

1.5	Thuê phần mềm trung tâm điều hành giáo dục	3.990	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Thu thập, quản lý, khai thác CSDL ngành giáo dục; đồng bộ, liên thông tự động với cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục Đào tạo
1.6	Thuê dịch vụ phần mềm học tập trực tuyến ngành Giáo dục và Đào tạo	4.552	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến của ngành Giáo dục tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến
1.7	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với phần mềm học bạ số	8.730	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Đảm bảo lưu trữ, truy xuất và quản lý dữ liệu học bạ của học sinh một cách nhanh chóng, chính xác và an toàn.
1.8	Thuê dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học triển khai trong ngành Giáo dục và Đào tạo	5.940	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Phục vụ ký số hồ sơ quản lý giáo dục, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, các báo cáo chuyên môn...
1.9	Triển khai giải pháp phòng chống mã độc tập trung (5.539 Licence)	13.230	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị, địa phương	2025-2030	Triển khai theo chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ
1.10	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh	5.421	Sự nghiệp (NS tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2024-2026	Triển khai đến các sở, ban, ngành, huyện/thành phố/xã, hương, thị trấn trên địa bàn tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, địa phương khác thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia để gửi nhận văn bản
2	Phát triển dữ liệu số						

2.1	Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu	21.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị, địa phương	2025-2030	Tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ vào kho dữ liệu; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu; trình diễn dữ liệu theo nhiều chiều từ đó làm công cụ giúp các cơ quan nhà nước sử dụng, khai thác dữ liệu một cách có hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành
2.2	Triển khai Hệ thống CSDL ngành Công thương	10.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Công Thương	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Hình thành CSDL ngành công thương tỉnh Kon Tum các lĩnh vực: công nghiệp, thương mại, năng lượng... Kết nối với CSDL dùng chung của tỉnh và của Bộ Công thương.
2.3	Xây dựng CSDL ngành Thông tin và Truyền thông	5.500	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	- Hình thành Hệ thống CSDL ngành Thông tin và Truyền thông như: Bưu chính viễn thông, Công nghệ thông tin, Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Điện tử,... - Hỗ trợ quản trị bản đồ số ngành Thông tin và Truyền thông. - Hỗ trợ quản lý quy hoạch ngành Thông tin và Truyền thông. - Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp có thẩm quyền.
2.4	Xây dựng CSDL ngành Văn hóa, Thể thao, Du lịch	8.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Dữ liệu ngành VH-TT-DL sẽ được quản lý tập trung, có thể tích hợp các nền tảng chia sẻ dữ liệu, sẵn sàng liên thông với các nền tảng tích hợp, liên thông dữ liệu với cấp Bộ ngành và Địa phương. Phục vụ công tác quản lý, khai thác và chỉ đạo điều hành, hỗ trợ ra quyết định.

2.5	Xây dựng CSDL ngành Giao thông vận tải	15.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Giao thông vận tải	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Hình thành, cung cấp đầy đủ dữ liệu mở của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh đối với các số liệu thống kê hàng năm và các loại thông tin phải được công khai theo quy định của pháp luật. Kết nối với CSDL dùng chung của Bộ GTVT
2.6	Xây dựng CSDL ngành Tài nguyên, Môi trường	18.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Kon Tum
2.7	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc	3.500	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Xây dựng; UBND cấp huyện; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị có liên quan	2025-2030	Số hóa hồ sơ pháp lý các đồ án quy hoạch, nắn chỉnh các bản vẽ của đồ án quy hoạch, chuẩn hóa và chuyển đổi đồ án quy hoạch xây dựng,...)
2.8	Xây dựng CSDL ngành Nông nghiệp, Phát triển nông thôn	13.800	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Hoàn thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (bao gồm đầy đủ các lĩnh vực, chuyên ngành: Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và BVTV, Thủy sản, Lâm nghiệp, Phát triển nông thôn, Chất lượng nông lâm thủy sản, Trung tâm khuyến nông và giống cây trồng, Thủy lợi, Thông tin giá cả nông sản, Quản lý nông thôn mới,...)
2.9	Cập nhật, số hóa dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh và vận hành trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	5.000	Sự nghiệp Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và chia sẻ cho nhu

							cầu tìm hiểu cơ hội đầu tư và thu hút đầu tư.
2.10	Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum	2.965	Đầu tư (Ngân sách tỉnh)	Sở Tài chính	Các đơn vị có liên quan	Từ năm 2024 (không quá 03 năm)	(1) Quản lý giá hàng hóa, dịch vụ; (2) Quản lý giá tính lệ phí trước bạ; (3) Quản lý giá hàng hóa xuất, nhập khẩu; (4) Quản lý giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; (5) Quản lý Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, tiền thuê đất thuế mặt nước, giá đền bù đất, giá đền bù tài sản trên đất, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương; (6) Quản lý giá giao dịch bất động sản; (7) Quản lý giá vật tư, vật liệu xây dựng; (8) Quản lý đơn vị thẩm định giá; (9) Quản lý hồ sơ thẩm định giá; (10) Quản lý giá đất giao dịch thực tế trên thị trường; (11) Quản lý giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu; (12) Quản lý thông tin định giá giá trị tài sản trong hoạt động tổ tụng hình sự; (13) Quản lý văn bản pháp luật về giá; (14) Tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá
2.11	Xây dựng CSDL ngành Khoa học công nghệ	4.800	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	2025-2030	Xây dựng và triển khai CSDL ngành Khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2025-2030 ở các lĩnh vực: Khoa học và công nghệ; Sở hữu công nghiệp; An toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Sáng kiến; Trang thiết bị/chuẩn đo lường thành: Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; các

							tổ chức KH&CN; cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; sở hữu công nghiệp; vật liệu phóng xạ, thiết bị bức xạ; quy chuẩn kỹ thuật địa phương; các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã đăng ký, được chỉ định trong tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh đạt giải thưởng chất lượng quốc gia.
2.12	Xây dựng CSDL ngành Nội vụ	9.659	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	2024-2026	Triển khai Đề án “số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử và triển khai Hệ thống Quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh Kon Tum
IV	Kinh tế Số						
1	Triển khai cung cấp chữ ký số Doanh nghiệp			Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2024-2030	80% doanh nghiệp ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động của doanh nghiệp
2	Giải pháp Quản trị và điều hành Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum	3.600	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các đơn vị liên, doanh nghiệp có liên quan	2025-2030	Tạo nền tảng quản trị chủ động, chuyên nghiệp, minh bạch trên môi trường số; Tiết kiệm thời gian di chuyển của Doanh nghiệp, thời gian tra cứu, xác minh thông tin dự án đầu tư, thời gian tổng hợp, phân tích dữ liệu
3	AI ứng dụng cho các nhà máy, khu công nghiệp			Các doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	2024-2030	ứng dụng AI trong ngành sản xuất, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, tăng cường hiệu suất và giảm thiểu lỗi sản phẩm.
4	Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”			Trung tâm Internet Việt Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	2024-2025	Miễn phí 02 năm sử dụng tên miền “biz.vn” và các dịch vụ số kèm theo (website, email,... gắn với tên miền “biz.vn”) đối với Doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới.

5	Thuê Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2026	2.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị có liên quan	2026-2030	Phục vụ công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư của Nhà đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác) trên địa bàn tỉnh
6	Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân liên kết sản xuất và kết nối tiêu thụ ảo trên nền tảng ứng dụng hệ thống chuỗi số Blockchain	10.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	2025-2030	Miễn phí 03 năm sử dụng nền tảng số ứng dụng hệ thống chuỗi số Blockchain và các dịch vụ số kèm theo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân liên kết sản xuất và kết nối tiêu thụ
V	Xã hội Số						
1	Triển khai Cổng TTĐT tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ	9.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	2025-2030	Triển khai Cổng TTĐT tỉnh bao gồm các Trang TTĐT các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã là thành phần của Cổng TTĐT tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp với Cổng TTĐT Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số
2	Triển khai cung cấp chữ ký số cá nhân			Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2024-2030	50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân
3	App công dân	10.000	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị, địa phương	2026-2030	App giúp người dân thực hiện nhiều giao dịch hành chính ngay trên thiết bị di động của mình mà không cần phải đến trực tiếp các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước như: Tra cứu thông tin, thực hiện các giao dịch hành chính, kết nối với cơ quan nhà nước, nhận thông báo, ...

4	Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”			Trung tâm Internet Việt nam	Sở Thông tin và Truyền thông	2024-2025	Miễn phí 02 năm sử dụng tên miền “id.vn” và các dịch vụ số kèm theo (website, email, CV online/blog) đối với Công dân Việt Nam có độ tuổi từ 18 đến 23
5	Triển khai Hệ thống Cửa khẩu số	9.720	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Ban Quản lý Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, Hải Quan, Biên Phòng, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, các tổ chức, cá nhân hoạt động tại cửa khẩu...	2026-2030	Phục vụ công tác giám sát, tăng cường trao đổi thông tin trong việc thực hiện các thủ tục, quy trình xuất nhập khẩu giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng chức năng với doanh nghiệp xuất nhập khẩu; tăng năng lực thông quan; giảm thời gian; tiết kiệm nguồn lực và chi phí; từng bước xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao tính công khai, minh bạch tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y.
6	Triển khai chữ ký số cho nhân viên y tế phục vụ triển khai Bệnh án điện tử	1.081	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Y tế	Các Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện có giường bệnh	2025	Mỗi nhân viên y tế tại các bệnh viện, trung tâm y tế đều có 01 chữ ký số cá nhân
VI	Đào tạo, Tuyên truyền						
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức Chuyển đổi số	344	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Hàng năm	Tuyên truyền về ATTT; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn Thương mại điện tử
2	Tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến	697	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến

3	Đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số và an toàn thông tin	60	Sự nghiệp (Ngân sách tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Bồi dưỡng định hướng về triển khai Chiến lược Chuyển đổi số cho lãnh đạo các cấp Bồi dưỡng Kiến trúc chính quyền điện tử
---	--	----	-------------------------------	------------------------------	-------------------------------------	----------	---